

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2021/HS-ST
Ngày 08/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị C** - Nguyên Hiệu trưởng trường Tiểu học số 1 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G;

2. Ông **Trần Thanh H** - Nguyên Chủ tịch Ủy ban kiểm tra huyện ủy Đ, huyện Đ, tỉnh G.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu B** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại: Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2021/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 71/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nh - Giới tính: Nam - Tên gọi khác: không; sinh ngày 02 tháng 4 năm 2003 tại tỉnh G; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Banar; tôn giáo: công giáo; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông B, sinh năm: 1971 và bà T, sinh năm 1982; gia đình bị cáo có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2015, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình;

Tiền án: không;

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự. Ngày 26/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản” theo Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng số 01/QĐ-TA ngày 26/01/2018, đến tháng 2/2020 thì trở về địa phương sinh sống và làm nông.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

1/ Anh **M**, sinh năm: 1995; Trú tại: Làng Đê Thung, xã ĐK, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2/ Anh **R**, sinh năm: 1993; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông **B**, sinh năm: 1971; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

2/ Anh **A**, sinh năm: 2006; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho A: AT. Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

***Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Huỳnh Văn K** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

***Người phiên dịch:** Ông **K**. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Vào khoảng 07 giờ ngày 20/02/2020, anh M điều khiển xe mô tô biển số 81B1 - 640.91 (xe không có ổ khóa và được đấu nối 02 dây điện để nổ máy xe) đi tưới nước cà phê cho ông Nguyễn Đình L tại rẫy cà phê thuộc làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Khi đến rẫy cà phê của ông L thì anh M dựng xe mô tô ở cạnh nhà rẫy cùng với 01 xe mô tô khác rồi đi tưới nước. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi đi về thì phát hiện bị trộm mất xe mô tô nói trên nên anh M đã làm đơn trình báo Cơ quan điều tra.

Quá trình truy vết, làm việc với Nh và A (Sinh ngày 15/4/2006; trú tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G), Nh và A đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 20/02/2020, Nh và A đi chơi tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G. Khi đi đến nhà rẫy cà phê của ông Nguyễn Đình L, Nh nhìn thấy 02 xe mô tô để ở cạnh nhà rẫy không có người trông coi thì nảy sinh ý định trộm cắp chiếc một chiếc xe mô tô để sử dụng nên đã rủ A trộm cắp, A đồng ý. Nh đi đến gần 01 chiếc xe mô tô màu đỏ, không rõ biển số để lấy trộm nhưng xe đã bị khóa cổ xe nên Nh tiếp tục đến gần chiếc xe mô tô biển số 81B1 - 640.91 đạp cần khởi động của xe nhưng không nổ máy. Thấy vậy, A đi lại đấu nối dây điện ở ổ khóa lại với nhau và đạp cần khởi động thì xe nổ máy. Sau khi nổ máy xe, A điều khiển chiếc xe trên chở Nh đến nhà bác của A tại làng P, xã C, thành phố K, tỉnh K chơi. Trên đường đi, sợ bị phát hiện nên Nh và A dùng tay bẻ chiếc biển số xe mô tô vứt vào một rẫy cà phê thuộc làng B, xã Đ rồi tiếp tục đi chơi. Khi đi đến địa phận thôn P, xã C, thành phố K, tỉnh K, Nh và A điều khiển xe mô tô không có biển số, không đội mũ bảo hiểm nên bị Công an xã C, thành phố K, tỉnh K đang đi tuần tra, phát hiện. Nh và A bỏ lại xe rồi bỏ trốn, Công an xã C đã tạm

giữ chiếc xe trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 56/HĐ-ĐG ngày 20/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt xe mô tô biển số 81B1 - 640.91 có trị giá là 10.200.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nh khai nhận ngoài vụ trộm cắp tài sản nêu trên thì Nh còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể: Vào khoảng 23 giờ ngày 10/4/2020, Nh đi chơi ngang qua trước nhà anh R thì thấy xe mô tô hiệu Honda Citi biển số 81S1-1027 của anh R để ở sân, cả nhà đã tắt điện đi ngủ. Nh nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi chơi. Nh đi vào sân, đạp cần khởi động của xe thì thấy nổ máy (không cần chìa khóa xe). Sau đó, Nh điều khiển xe mô tô biển số 81S1-1027 đi chơi trong làng rồi ngủ lại ở nhà rẫy cả phê bỏ hoang. Khoảng 05 giờ ngày 11/4/2020, Nh điều khiển xe mô tô biển số 81S1 – 1027 đi ngang qua nhà anh R thì bị anh R nhìn thấy, anh R đuổi theo Nh nhưng không kịp. Nh tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 81S1 – 1027 đi chơi tại xã ĐT, huyện CP, tỉnh G. Khi đi đến địa phận làng Om, xã ĐT, huyện CP, tỉnh G, Nh điều khiển xe mô tô không đội mũ bảo hiểm nên bị Công an xã ĐT huyện CP, tỉnh G đang đi tuần tra, phát hiện. Nh sợ bị phát hiện nên bỏ lại xe rồi bỏ trốn, Công an xã ĐT đã tạm giữ chiếc xe trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 92/HĐ-ĐG ngày 06/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 81S1 - 1027 có trị giá là 1.500.000 đồng.

2. Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh G đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, số máy: 5C62021924, số khung: ELCS5C6207Y021924 (xe có biển số là 81B1 - 640.91)..

- 01 (một) xe mô tô biển số 81S1-1027, nhãn hiệu CITI, màu nâu, số máy: 1138500, số khung: 11384773.

- Đối với biển số 81B1 – 640.91, sau khi trộm cắp Nh và A đã vứt ở vườn cà phê thuộc làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

- Tiền Việt Nam đồng: 1.416.000 đồng.

3. Về dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị mất cũng như đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 61/CTr-VKS ngày 24/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Nh về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nh phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; các điều 90, 91, 98, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nh từ 06 tháng đến 09 tháng tù; Về vật chứng: Trả

lại cho bị cáo số tiền 1.416.000 đồng. Về án phí: Bị cáo Nh phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất Cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 15 giờ, ngày 20/02/2020, tại Làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G, Nh đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen có giá trị là 10.200.000 đ (*Mười triệu hai trăm ngàn đồng*).

Bị cáo hoàn toàn nhận thức được quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản bất hợp pháp đều bị pháp luật trừng trị; Ngày 26/01/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 16/02/2020 thì trở về địa phương sinh sống. Tuy nhiên bị cáo đã không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi trái pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo còn bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra xử lý tội phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nh không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo Nh đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ

thiệt hại cho bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số trình độ nhận thức còn hạn chế; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội bị cáo Nh chưa đủ 18 tuổi nên còn được hưởng các quy định có lợi cho người phạm tội được quy định tại Chương XII của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen, số máy: 5C62021924, số khung: ELCS5C6207Y021924 (xe có biển số là 81B1 - 640.91). Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định trả lại tài sản cho anh M chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

- 01 (một) xe mô tô biển số 81S1-1027, nhãn hiệu CITI, màu nâu, số máy: 1138500, số khung: 11384773. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định trả tài sản cho anh R chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với biển số 81B1 - 640.91, Nh và A đã vớt ở vườn cà phê thuộc làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy, nên không xem xét giải quyết.

- Tiền Việt Nam đồng: 1.416.000 đồng. Đây là số tiền Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ được khi bắt bị cáo Nh. Tuy nhiên, số tiền này không có liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về dân sự:

- Anh M đã nhận lại được tài sản. Đồng thời, ông B (bố Nh) đã bồi thường cho anh M số tiền 1.000.000 đồng; ông A Tinh (bố A) đã bồi thường cho anh M số tiền 1.000.000 đồng. Anh M không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh R đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là xe mô tô biển số 81S1-1027, không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền ông B đã đứng ra bồi thường cho bị hại thay cho bị cáo Nh, ông B không yêu cầu Nh trả lại số tiền trên nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với A (Sinh ngày 15/4/2006), tính đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp (ngày 20/02/2020) thì A chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xử lý về hình sự đối với hành vi trộm cắp tài sản của A.

Đối với hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển số 81S1 – 1027 của anh R vào ngày 10/4/2020 tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G của Nh, tài sản thiệt hại trị giá 1.500.000 đồng. Do giá trị tài sản thiệt hại dưới 2.000.000 đồng, thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp Nh chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, chưa có tiền án về các tội chiếm đoạt tài sản. Do đó hành vi trộm cắp tài sản ngày 10/4/2020 tại làng B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh G của Nh không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên không xử lý về hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nh** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nh 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 27/7/2020.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Nh số tiền 1.416.000 đồng (*Một triệu bốn trăm mười sáu ngàn đồng*) tại tài khoản số 5012203000016 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Đ, Đông G.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nh phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/12/2021), bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại
- Người TGTG khác
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H